

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2020 các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” thụ lý số: 447/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đào Minh H, sinh năm 1966. Đăng ký thường trú: ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: ấp 9, xã CS, huyện Mỏ CN, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của ông Hải là ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964. Nơi cư trú: số 55F, khu phố 1, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn Đệ N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Số 443, khu phố 5, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Huỳnh Thị L được quyền quản lý sử dụng toàn bộ phần đất có diện tích 1257,3m² (bao gồm các thửa 70A, 70B, 70C, 70D, 70H, 70G, 70E, 70F) thuộc một phần thửa mới 70 tờ bản đồ số 5 (thửa cũ 25,26 cùng tờ bản đồ số 2) tọa lạc ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên phần đất này (gồm: am thờ, nhà tiền chế, nhà ở, chuồng heo, nhà sau, cây trồng). (có họa đồ hiện trạng sử dụng thửa đất số 70 tờ bản đồ 5 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P cung cấp ngày 09/7/2020 kèm theo)

- Bà L có nghĩa vụ giao trả cho ông H ½ giá trị đất và toàn bộ tài sản trên đất với số tiền là 1.141.000.000 (Một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu) đồng.

- Ông H, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất thuộc thửa 70 tờ bản đồ 5 có diện tích 870,3m² (đất dùng làm thổ mộ chung cho ông bà).

- Ông H và bà L thống nhất thực hiện việc giao nhận đất, tài sản trên đất và tiền cùng một thời gian khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với một phần thửa 47 (ký hiệu 47A) tờ bản đồ 5 có diện tích 299,9m² và ngôi nhà thờ cũ thì ông H, bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chi phí tố tụng ông H đồng ý nộp toàn bộ và đã nộp xong.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H đồng ý nộp số tiền 23.115.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.975.000đồng theo biên lai thu số: 0004032 ngày 01 tháng 8 năm 2019. Như vậy ông H phải nộp tiếp số tiền 20.140.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Bà L đồng ý nộp số tiền 23.115.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết